平成22年度(第60回)北海道倶楽部対抗競技グループ編成表

平成22年3月現在 (114倶楽部)

Aグループ

Bグループ

Cグループ

旧窓切々				
俱楽部名				
1	札 幌	GC		
2	廣済堂札幌	СС		
3	ちとせインター	G C		
4	新 千 歳	C C		
5	シャムロックサ*・ノースカントリー	СС		
6		GC		
7	千 歳 空 港	СС		
8	ツキサップ	G C		
9	空 知 エ ミ ナ ク ラ ー ク	C C G C		
10	エミナクラーク真駒内	G C		
11	ク ラ ー ク	СС		
12	真 駒 内	CC		
13	セント旭川	GC		
14	大 沼 レ イ ク 釧 路 風 林	G C		
15	釧 路 風 林	СС		
16	阿寒	G C C C		
17	札幌ベイ	GС		
18	帯広国際	СС		
19	小 樽	СС		
20	滝の	СС		
21	アーレックス	GС		
22	カイト & フォックス	C C		
23	千 歳	C C		
24	伊 達	СС		
25	グレート札幌	СС		
26	函 館 K G	C C		
27	札幌国際	СС		
28	シャトレーゼ石狩	СС		
29	旭川メモリアル	СС		
30	ノーザンアーク	GC		
31	チサン	СС		
32	北海道	CC		
33	室 蘭	GC		
34	スウェーテ `ンヒルス`	GC		
35	札幌南	GC		
36	大 雪 山	CC		
تت	, <u> </u>			

Bグループ				
倶楽部名				
1	北見	CC		
2	増毛	GC		
3	ハッピーバレー	GC		
4	札幌芙蓉	CC		
5	羊 ヶ 丘	CC		
6	石 狩 川 江 別	GC		
7	紋 別	CC		
8	石 狩 平 原	CC		
9	札幌すずらん	CC		
10	函館	GC		
11	士別同友会	CC		
12	オホーツク	CC		
13	北海道クラシック	GC		
14	北 海 道	GC		
15	ニドムクラシック	С		
16	樽前	CC		
17	新 奈 井 江	CC		
18	シェイクスピア	CC		
19	札幌スコットヒル	GC		
20	コート旭川	CC		
21	茨 戸	CC		
22	大 沼 国 際	CC		
23	札幌つきがた	GC		
24	恵庭	GC		
25	札幌テイネ	GC		
26	十 勝	CC		
27	岩見沢雉ヶ森	CC		
28	札 樽	GC		
29	鹿部	CC		
30	札幌エルム	CC		
31	旭川たかす	GC		
32	エバーグリーン	GC		
33	帯広白樺	CC		
34	オークウッド	GC		
35	旭川	GC		
36	名 寄 白 樺	CC		

 倶楽部名			
1	平取	CC	
2	釧路	CC	
3	エムズ	GC	
4	シャトレーセ゛マサリカッフ゜	CC	
5	帯広	CC	
6	ANAダイヤモンド	GC	
7	ブルックス	CC	
8	サロベツ	CC	
9	恵庭	CC	
10	グリーンスコーレ	CC	
11	サホロ	CC	
12	上湧別リハ゛ーサイト゛	GC	
13	旭川国際	CC	
14	北海道白老	GR	
15	ノースバレー	CC	
16	登別	CC	
17	北海道クラシック帯広	GC	
18	アルペン	GC	
19	函館シーサイド	CC	
20	ニセコ	GR	
21	トーヤレイクヒル	GC	
22	稚	CC	
23	桂	GC	
24	深川	CC	
25	アンビックス函館	GC	
26	エーヴランド	GC	
27	ル・ペタウ	G	
28	フォレスト旭川	CC	
29	温根湯国際	CC	
30	根室	GC	
31	南宗谷	CC	
32	ドリーム苫小牧	GC	
33	御前水	GC	
34	白 金	GC	
35	グレート旭川	CC	
36	ワークジャパン	GC	
37	新札幌ワシントン	GC	
38	北海道リンクス	CC	
39	ユ ニ 東 武	GC	
40	北 見 ハ ー ブ ヒ ル 札 幌 北 広 島	GC	
41 42	<u>札 幌 北 広 島</u> コリーナ・デ・ルナ	ရ ဂ	
42	<i>□',</i>	GU	

- ※ 前年度成績順
- ※ 太文字は平成21年度不参加倶楽部